TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-PT
Ngày: 20 - 3 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: + Ông Nguyễn Thanh Tuấn

+ Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 114/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2018/QĐPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Bà A, sinh năm: 1943 (Vắng mặt).

Cư trú tại: T, Phường A, Quận A , Tp.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà A: Anh B, sinh năm: 1983; Cư trú tại: V, phường B, quận B, Tp.Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2017 và ngày 19/7/2017) (Có mặt).

2. Bị đơn : Bà B, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Cư trú tại: L, Tp.Q, tỉnh Bình Định.

3. Người làm chứng:

- Ông C, sinh năm: 1954 (Có mặt).

Cư trú tại: L, Tp.Q, tỉnh Bình Định.

- Bà D, sinh năm: 1957 (Có mặt).

Cư trú tại: T, phường T, Tp.Q, tỉnh Bình Định.

- Bà E, sinh năm: 1953 (Có mặt).

Cư trú tại: T, phường L, Tp.Q, tỉnh Bình Định.

- Bà F, sinh năm: 1955 (Có mặt).

Cư trú tại: T, phường T1, Tp.Q, tỉnh Bình Định.

4. Người kháng cáo: Bà B là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, anh B trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 01/8/1992 âm lịch (Tức ngày 28/8/1992 dương lịch) bà A có cho bà B vay 15 chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm 97%. Khi vay bà B có viết giấy mượn đề ngày 01/8/1992 âm lịch, chữ viết và chữ ký trong giấy mượn đề ngày 01/8/1992 âm lịch là do bà B viết và ký. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời hạn trả mà khi nào bà A đòi thì bà B sẽ trả. Đến ngày 23/12/2016 bà A thông báo yêu cầu bà B trả số vàng đã vay, nhưng bà B không trả. Nay bà A yêu cầu bà B phải trả cho bà A 15 chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm 97%. Ngoài ra bà A không yêu cầu gì thêm.

- Tại các bản khai và tại phiên tòa, bị đơn bà B trình bày:

Thống nhất vào ngày 01/8/1992 âm lịch (Tức ngày 28/8/1992 dương lịch) bà B có vay của bà A 15 chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm 97%, khi vay bà B có viết giấy mượn đề ngày 01/8/1992 âm lịch do bà viết và ký. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời hạn trả, khi nào bà A đòi thì bà sẽ trả sau. Sau khi vay, vào khoảng cuối năm 1992 bà đã trả đủ số vàng đã vay, trả trực tiếp cho bà A, khi trả vì chỗ quen biết và tin tưởng nhau nên bà không yêu cầu bà A viết giấy nhận vàng. Sau khi bà trả đủ số vàng đã vay cho bà A, bà có yêu cầu bà A đưa lại giấy mượn vàng gốc cho bà thì bà A có nói sẽ đưa lại sau nhưng sau đó bà A không đưa. Việc bà A hứa đưa lại giấy mượn vàng gốc cho bà có bà E biết. Việc bà trả vàng cho bà A có bà D biết. Nay bà A yêu cầu bà trả cho bà A 15 chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm 97% bà không đồng ý trả vì bà đã trả đủ số vàng đã vay cho bà A, hiện bà không còn nợ.

**/- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 114/2017/DSST ngày 14/9/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Q, đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

1. Buộc bà B phải có nghĩa vụ trả cho bà A 15 (mười lăm) chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm 97%.

2. Bác lời nại của bà B về việc bà không đồng ý trả 15 (mười lăm) chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm 97% cho bà A.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chấp hành bản án và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

**/- Ngày 26 tháng 9 năm 2017 bà B có đơn kháng cáo bản án số 114/2017/DSST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Q và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ.*

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà A chỉ yêu cầu bà B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà, bà A không khởi kiện ông C. Mặc dù, tại cấp phúc thẩm bà B và ông C có đơn khiếu nại yêu cầu phải đưa ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng xét thấy yêu cầu của bà B và ông C vượt quá phạm vi khởi kiện của bà A nên cấp phúc thẩm xác định ông C là nhân chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm bà B vẫn giữ nguyên kháng cáo không chấp nhận trả nợ cho bà A và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Ngày 01/8/1992 âm lịch (tức là ngày 28/8/1992 dương lịch) bà B có vay của bà A 15 chỉ vàng hiệu Ngọc Thiện Phẩm loại 97%, bà B có viết giấy nhận nợ và hẹn với bà A cần lúc nào lấy lúc đó. Ngày 23/12/2016 bà A có thông báo yêu cầu bà B phải trả số vàng đã vay nhưng bà B không trả và cho rằng đã trả nợ xong cho bà A. Để chứng minh đã trả nợ xong, bà B có đề xuất các nhân chứng như: Bà D, bà E và bà F; theo bà B đây là những người tuy không trực tiếp chứng kiến việc bà trả nợ cho bà A nhưng có nghe bà nói lại là trả vàng cho bà A và có nghe bà A hứa trả lại giấy nhận nợ cho bà. Lời khai của những người làm chứng không được phía nguyên đơn chấp nhận và xét thấy những người làm chứng như bà E và bà F không trực tiếp chứng kiến việc bà B trả nợ cho bà A, đây chỉ là những người nghe nói mang tính gián tiếp nên không đủ căn cứ để xác định bà B đã trả nợ xong cho bà A. Còn lời khai của bà D tại cấp sơ thẩm bà cho rằng bà không trực tiếp chứng kiến việc trả nợ, nhưng tại phiên tòa

phúc thẩm bà lại trình bày bà trực tiếp chứng kiến việc bà A nhận vàng do bà B giao, lời trình bày của bà D không thống nhất với nhau nên không có tính khách quan để xem xét. Cấp sơ thẩm đã áp dụng Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bà B phải trả cho bà A 15 chỉ vàng y hiệu Ngọc Thiện phẩm loại 97% là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Bà B kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm trong quá trình giải quyết vụ án không đưa ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2017 (trong thời hạn kháng cáo) bà B có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 13/11/2017 bà B có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu đưa ông C tham gia tố tụng và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, trong trường hợp này kháng cáo bổ sung của bà B đã hết thời hạn kháng cáo và vượt quá giới hạn kháng cáo ban đầu nên căn cứ theo Khoản 1 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo bổ sung của bà B.

[3] Ông C có đơn khiếu nại 13/11/2017 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do ông là chồng bà B nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa ông vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Xét thấy: Ngày 22/3/2017 bà A có đơn khởi kiện và đến ngày 11/5/2017 bà A có đơn khởi kiện bổ sung chỉ yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả nợ cho bà, không yêu cầu ông C là chồng bà B cùng chịu trách nhiệm trả nợ, bà A cung cấp giấy nhận nợ đề ngày 01/8/1992 âm lịch do bà B viết và ký, không có chữ ký của ông C. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông C, ngày 21/12/2017 cấp phúc thẩm đã lấy lời khai của ông B là người được bà A ủy quyền tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn trong vụ án, ông Tú khẳng định chỉ yêu cầu bà B trả nợ, không yêu cầu ông C cùng trả nợ với bà B và tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù đã được nghe giải thích quyền lợi khi yêu cầu thi hành án nhưng ông Tú vẫn giữ nguyên yêu cầu. Cấp sơ thẩm căn cứ đơn khởi kiện và các lời khai của bà A trong quá trình giải quyết vụ án buộc bà B phải trả nợ, không đưa ông C tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên không có căn cứ để chấp nhận đơn khiếu nại của ông C.

[4] Từ những căn cứ nêu trên cấp phúc thẩm xét thấy kháng cáo của bà B không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên.

Về án phí Dân sự phúc thẩm: Bà B phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 5; Khoản 1 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466; Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

1/ Buộc bà B phải có nghĩa vụ trả cho bà A 15 (mười lăm) chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm loại 97%.

2/ Bác lời nại của bà B về việc bà không đồng ý trả 15 (mười lăm) chỉ vàng Ngọc Thiện Phẩm loại 97% cho bà A.

3/ Về án phí:

3.1 Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu 2.655.000đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà A 1.515.000đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0004665 ngày 11/5/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q.

3.2 Án phí Dân sự phúc thẩm: Bà B phải chịu 300.000đồng án phí Dân sư phúc thẩm. Được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005326 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Q.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND Tp.Q;
- Chi cục THADS Tp.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Xuân Hải